**TUẦN 25**

*Thứ hai ngày 8 tháng 3 năm 2021*

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

**CHỦ ĐỀ 7: GIA ĐÌNH EM**

**TUẦN 25: MẸ CỦA EM**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ**

**PHÁT ĐỘNG HỘI DIỄN CHÀO MỪNG NGÀY QUỐC TẾ PHỤ NỮ 8 – 3**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Định hướng cho HS chuẩn bị các nội dung cho hoạt động đầu tháng 3 hướng đến chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: Có ý thức về quyền và mong muốn của bản thân; bước đầu biết cách trình bày và thực hiện một số quyền lợi và nhu cầu chính đáng.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ khi nói về kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Tham gia tích cực vào hoạt động kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm khi tham gia các phong kế hoạch hội diễn văn nghệ của nhà trường chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8.3.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước( PC1): Yêu quý mẹ, cô giáo và phụ nữ Việt Nam.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tích cực học tập.

- Trách nhiệm( PC4)**:** Có ý thức trách nhiệm về những việc mình đã nêu đã làm để thực hiện cho tốt. Biết kết hợp với các bạn trong nhóm hoàn thành tốt các yêu cầu của GV. Chấp hành tốt các quy định khi tham gia các phong trào của trường lớp.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:

+ Ổn định tổ chức.

+ Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

- GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:

+ Thời gian của tiết chào cờ: là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ: giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

\* Thực hiện nghi lễ chào cờ

\* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

\* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

\* Góp phần giáo dục một số nội dung : AN toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

\* Gợi ý cách tiến hành

- Nhà trường nhận xét, đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục của HS trong tuần.

- Nhận xét về các hoạt động trải nghiệm trong chủ đề trước, nhấn mạnh đến những kiến thức, kĩ năng, thái độ và giá trị mà HS đã đạt được sau khi tham gia trải nghiệm chủ đề trước.

- Triển khai một số hoạt động của chủ đề “Gia đình em”. Phát động hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3.

- Gợi ý một số nội dung triển khai:

+ Ý nghĩa của hội diễn: tôn vinh vẻ đẹp và khẳng định vai trò của phụ nữ Việt Nam.

+ Mỗi lớp (hoặc mỗi khối lớp) lựa chọn và đăng kí một tiết mục văn nghệ để tham gia hội diễn. Khuyến khích nhiều HS trong các lớp tham gia.

+ Nội dung các tiết mục văn nghệ: nói về phụ nữ Việt Nam, về bà, về mẹ.

+ Hình thức: đơn ca, song ca, tốp ca, múa, kịch, tiểu phẩm do cô giáo và HS

các lớp biên đạo, dàn dựng và biểu diễn.

+ Thời gian để các lớp chuẩn bị và tham gia: 1 tuần (Dự kiến thời gian tổ chức

hội diễn vào tuần tiếp theo).

**HỌC VẦN**

**BÀI 130: oăng, oăc**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần oăng, oăc; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oăng, oăc.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần oăng, oăc) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Ai can đảm?”.

- Viết đúng các vần oăng, oăc, các tiếng (con) hoẵng, ngoắc (tay) cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oăng, oăc, các tiếng (con) hoẵng, ngoắc (tay) với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Ai can đảm?”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oăng, oăc, các tiếng (con) hoẵng, ngoắc (tay) (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về những ai được xem là can đảm. Bài tập đọc“Ai can đảm?”là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái:( PC1): Yêu quý nhân vật đã can đảm vượt qua nỗi sợ.

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  Viết lên bảng lớp tên bài **oăng, oăc**; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học vần oăng, oăc  **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần oăng***  ***2.2. Dạy vần oăc (thực hiện như vần oăng)***  **3. Luyện tập**  ***3.1. Mở rộng vốn từ (BT2: Tìm từ ngữ ứng với hình)***  ***3.2. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  a) Đọc các vần, tiếng vừa học: oăng, oăc, con hoẵng, ngoắc tay.  b) Viết vần oăng, oăc    c) Viết tiếng con hoẵng, ngoặc tay  ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Ai can đảm. Nói về ba bạn cùng chơi trong sân; Một bạn khoe mình có khẩu súng nhựa. (Hoằng, mặc áo xanh da trời đang bỏ chạy). Một bạn khoe thanh kiếm gỗ (Thắng, mặc áo màu cam sẫm). Bạn Tiến áo vàng chưa kịp nói gì. Nhưng khi có đàn ngỗng đến mới rõ ai can đảm.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *Can đảm là không sợ hãi, không ngại nguy hiểm. Ngoắc (móc vào vật khác)*  c) Luyện đọc từ ngữ:  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn  g) Tìm hiểu bài đọc  *g1) Ghép đúng:*  g2) Em thích nhân vật nào? Vì sao?  **4. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài.  Phân tích, đánh vần, đọc trơn:  Vần oăng có âm o dứng trước, âm ă đứng giữa, am ng đứng sau.  Đánh vần **o – ă – ngờ - oăng/oăng.**  Quan sát tranh rút ừ mới: **con hoẵng**  Phân tích: HS nói con hoẵng/ Tiếng hoẵng có vần oăng.  Phân tích: tiếng hoẵng có âm h đứng trước, vần oăng đứng sau, dấu ngã trên âm ă.  **hờ - oăng – hoăng – ngã – hoẵng/ hoẵng.**  So sánh vần oăng và oăc khác nhau ở âm cuối c.  Hai vần mới học: oăng/ oăc  Hai tiếng mới học: hoẵng  Cả lớp đọc trơn: *ngoắc sừng, cổ dài ngoẵng, dấu ngoặc đơn, chạy loăng quăng, chớp loằng ngoằng.*  HS làm bài tập trong VBT nối hình tương ứng với từ ngữ.  *1) Cổ dài ngoẵng*  *2) Ngoắc sừng*  *3) Chớp loằng ngoằng*  *4) Dấu ngoặc đơn*  *5) Chạy loăng quăng*  Cả lớp: *Tiếng ngoẵng có vân oăng. Tiếng ngoắc có vần oăc, …*  HS đọc vần oăng nói cách viết.  HS quan sát GV hướng dẫn viết vần oăng, cách nối nét giữa o và a (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ o xuống hơi thấp để nối sang a), viết liền nét từ a sang ng, đặt dấu mũ trên chữ a để thành ă.  Làm tương tự với vần oăc (chỉ khác oăng ở âm cuối c).  HS viết oăng, oăc (2 lần).  GV vừa viết mẫu tiếng hoẵng, vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa h sang o, dấu ngã đặt trên chữ ă  Làm tương tự với chữ ngoắc, dấu sắc đặt trên ă.  - HS viết tiếng con hoẵng, ngoặc tay (2 lần).  ***Hoằng, liếng thoắng, khoe, vung thanh kiếm, chẳng sợ, vươn cổ dài ngoẵng, quàng quạc, chúi mỏ, ngoắc, xua ngỗng, chạy miết.***  Bài đọc có 10 câu (chỉ cách nhận biết câu)  Đọc nối tiếp từng câu (đọc 2 câu ngắn).  Nhắc nghỉ hơi câu: *Chúng vươn cổ dài ngoẵng,/ kêu “quàng quạc”,/ chúi mỏ về phía trước/ như định đớp bọn trẻ.*  (đoạn 6 câu/ 4 câu); thi đọc cả bài  HS nêu YC, chỉ từng vế cho cả lớp đọc  HS làm bài/ 1 HS đọc kết quả (GV nối các vế câu trên bảng lớp).  Cả lớp đọc kết quả  a) Hoằng – 3) Ngoắc súng vào vai bỏ chạy  b) Thắng – 1) nấp sau lưng Tiến  c) Tiến – 2) Nhặt cành cây, xua ngỗng đi  HS phát biểu ý kiến.  *Dự kiến: Em thích Tiến vì Tiến can đảm, Tiến không có gì trong tay nhưng cản đảm nhặt cành cây xua ngỗng đi.*  HS chú ý GV chốt ý: *Hoằng có súng nhựa, Thắng có kiếm gỗ. Nhưng Hoằng thấy ngỗng thì sợ, ngoắc súng vào vai bỏ chạy. Thắng thấy ngỗng cũng sợ, nấp sau lưng Tiến. Tiến không có gì trong tay nhưng can đảm nhặt cành cây, xua ngỗng đi.*  Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe  Chuẩn bị đọc trước bài mới oanh, oach. |

**Buổi chiều:**

**HỌC VẦN: BÀI 131: oanh, oach**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần oanh, oach; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oanh, oach.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần oanh, oach) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “*Bác nông dân và con gấu (1*)”.

- Viết đúng các vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Bác nông dân và con gấu”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về bác nông dân, con gấu. Bài tập đọc“*Bác nông dân và con gấu”(1*) là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái(PC1): Yêu quý bác nông dân siêng năng.

- Chăm chỉ(PC2): Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  - Viết lên bảng lớp tên bài **oanh, oach**; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học vần **oanh, oach**.  **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần oanh***  ***2.2. Dạy vần oach (thực hiện như vần oanh)***  **3. Luyện tập**  ***3.1. Mở rộng vốn từ (BT2: Tiếng nào có vần oanh, tiếng nào có vần oach?)***  ***3.2. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Bác nông dân và con gấu. Truyện kể về một bác nông dân vào rừng trồng cải củ bị gấu đến quát mắng. Sự việc diễn ra như thế nào? Các em hãy chú ý lắng nghe.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *khoảnh đất (phần đất không rộng lắm); cải củ (loài rau trồng để ăn củ nằm dưới đất, củ màu trắng)*  c) Luyện đọc từ ngữ:  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc theo vai (người dẫn chuyện, gấu, bác nông dân)  - GV khen HS, tốp đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV chỉ trên bảng câu văn chưa hoàn thành, nêu YC.  **4. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài.  Học sinh đọc vần **oanh**.  Phân tích, đánh vần, đọc trơn: **o-a-nh-oanh/oanh.**  Học sinh quan sát.  Quan sát tranh, rút từ mới: **khoanh bánh**  Phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng khoanh.  **khờ - oanh – khoanh/ khoanh.**  So sánh vần oanh và oach khác nhau ở âm cuối ch/nh.  Hai vần mới học: oanh/oach  Hai tiếng mới học: khoanh/hoạch  HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: *doanh trại, kế hoạch nhỏ, chim oanh, giày mới toanh.*  HS làm bài tập trong VBT nối hình tương ứng với từ ngữ.  Cả lớp: *Tiếng doanh có vân oanh, tiếng hoạch có vần oach, …*  a) Đọc các vần, tiếng vừa học: oanh, oach, khoanh bánh, thu hoạch.  b) Viết vần oanh, oach  - Một HS đọc vần oanh nói cách viết.  - HS quan sát GV hướng dẫn viết vần oanh, cách nối nét giữa o sang a (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ o xuống hơi thấp để nối sang a), viết liền nét từ a sang nh. Làm tương tự với vần oach (chỉ khác oăng ở âm cuối ch).  - HS viết oanh, oach (2 lần)  c) Viết tiếng khoanh bánh, thu hoạch  - HS quan sát GV vừa viết mẫu tiếng khoanh, vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa kh sang o,/ Làm tương tự với chữ hoạch.  - HS viết tiếng khoanh bánh, thu hoạch (2 lần)  - HS viết 2 lần trên bảng con.  - Lắng nghe GV giới thiệu bài đọc  - Cá nhân/ nhóm/ lớp: ***cuốc đất, trồng cải củ, gieo, ngoảnh lại, chạy tới, bình tĩnh, khoảnh đất, thu hoạch, thuộc về.***  - HS nhận dạng câu, đếm 8 câu.  - HS đọc nối tiếp câu cá nhân, đồng thanh.  - HS quan sát phân vai.  - HS hoạt động nhóm 3 đọc phân vai  - Từng tốp được mời trình bày trước lớp  - Lắng nghe GV nhận xét, khen ngợi  - Cả lớp đọc đồng thanh  - HS nghe yêu cầu.  - 1 HS nối tiếp để hoàn thành câu.  - Cả lớp nhắc lại: *Lúc thu hoạch, tôi chỉ lấy* ***gốc****. Tất cả phần còn lại* ***thuộc về ông****.*  - GV hỏi:  *+ Phần còn lại thuộc về gấu là phần nào?*  *=> Phần ngon nhất của củ cải là phần củ, nằm dưới gốc. Bác nông dân đã khôn ngoan, có tính toán trước khi giao hẹn với gấu, bác chỉ lấy phần gốc.*  Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe  Chuẩn bị đọc trước bài mới uênh, uêch. |

*Thứ ba ngày 9 tháng 3 năm 2021*

**TOÁN: Bài 72. SO SÁNH CÁC SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- So sánh được các số có hai chữ số và vận dụng được vào cuộc sống.

- Xác định được số lớn nhất, số bé nhất trong một nhóm các số

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1):

+ Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận khi so sánh các số có hai chữ số.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học( NL2):

+ Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề về so sánh các số có hai chữ số.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL3):

Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác).

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán( NL4):

Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để so sánh các số có hai chữ số.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ:

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

+ Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- SGK Toán lớp 1, Vở bài tập Toán 1, bảng phụ.

- Các bó que tính ( bó chục) và các que tính rời trong bộ đồ dùng dạy học.

- Máy chiếu vật thể (nếu có).

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **HĐ1: Khởi động:**  - Tổ chức trò chơi " Truyền điện"  - GV nhận xét chung về cuộc chơi.  **HĐ2: So sánh các số có hai chữ số**  **\* So sánh 85 và 48**  - Hướng dẫn học sinh quan sát hình vẽ trong bài học ( hoặc dùng que tính thực hành ) và dựa vào hình ảnh trực quan để nhận ra: 85 có 8 chục và 5 đơn vị, 48 có 4 chục và 8 đơn vị; 85 và 48 có số chục khác nhau : 8 chục lớn hơn 4 chục (80>40) nên 85>48. Có thể, cho học sinh tự giải thích, ví dụ: 85 và 48 đều có 4 chục, 85 còn có thêm 4 chục và 5 đơn vị, tức là có thêm 45 đơn vị, mà 48 chỉ có thêm 8 đơn vị. Ta có 45>8 nên 85>48.  - Tập cho HS nhận biết: nếu 85>48 thì 48<85 ( chẳng hạn, bằng nhận xét và sử dụng hình vẽ, que tính... để giúp học sinh tự nhận ra nếu 85>48 thì 48<85).      **HĐ 3: Thực hành và luyện tập**  **Bài tập 1. <, > =**  - GV nhận xét bài làm của HS.    **Bài tập 2. Chọn số thích hợp thay cho dấu ?**  - GV sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để chữa bài.  **Bài tập 3.**  **HĐ 4: Vận dụng**  **Bài tập 4.**    **HĐ 5: Củng cố** | Đọc số theo thứ tự tiếp theo: Người chơi đầu tiên đứng tại chỗ , đọc một số có hai chữ số, chẳng hạn, số 32 và gọi tên bất kì bạn nào đó trong lớp, bạn có tên đó đứng tại chỗ đọc số theo thứ tự tiếp theo ( là số 33). Nếu đọc đúng thì được gọi tên bất kì người bạn nào đó trong lớp ( đọc sai thì bị loại khỏi cuộc chơi ), bạn được gọi tên đứng tại chỗ đọc số theo thứ tự tiếp theo ( là số 34) và đọc tên 1 bạn trong lớp, cuộc chơi cứ tiếp tục diễn ra như vậy...  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe      **\* So sánh 73 và 76 :**  HS làm việc chủ động dưới sự hướng dẫn của GV.  - Hướng dẫn HS quan sát hình vẽ trong Sgk ( hoặc dùng que tính thực ) và dựa vào hình ảnh trực quan để nhận ra: 73 có 7 chục và 3 đơn vị, 76 có 7 chục và 6 đơn vị; 73 và 76 có số chục bằng nhau ( cùng có 7 chục), mà 3<6 nên 73<76.  - Tập cho HS nhận biết: Nếu 73<76 thì 76> 73.  ***Lưu ý:*** *Chưa yêu cầu HS biết "quy tắc"khi so sánh hai số có hai chữ số nhưng có thề giúp HS tập diễn đạt, so sánh như:*  + 56 và 59 đều có 5 chục, mà 6<9 nên 56<59  + 64 và 92 có số hàng chục khác nhau, 6 chục bé hơn 9 chục nên 64<9  - HS quan sát và dùng que tính thực hành    - Học sinh nêu yêu cầu bài.  - HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.  44…47 53..46 96…96  92…59 79…79 66..63  - Từng cặp HS kiểm tra bài làm của nhau.  1 vài HS giải thích vì sao chọn được dấu (<,>,=) thích hợp khi so sánh 2 số trong bài.  67 < ? 35 > ?  19  63  92  76  64 > ? 63 = ?  - HS làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán hoặc có thể chia nhóm HS để trao đổi, tranh luận với nhau.  - Trình bày kết quả ở bảng phụ.  ***Lưu ý:*** *Không chỉ có một số thích hợp thay cho dấu ?, chẳng hạn: 67<? thì 92 và 76 đều có thể chọn thay cho dấu ? (vì cả 92 và 76 đều thích hợp)*  - Học sinh nêu yêu cầu bài.  - Làm bài cá nhân vào Vở bài tập Toán.  a. Chọn số lớn nhất trong các số : 83, 79, 90.  b. Chọn số bé nhất trong các số: 43, 57, 28.  - HS nêu các cách giải thích khác nhau. Chẳng hạn: 90 lớn hơn 83, 90 lớn hơn 79 nên 90 là số lớn nhất, hoặc 90 lớn hơn 83, 83 lớn hơn 79, vậy 90 là số lớn nhất.  - HS nêu yêu cầu bài.  -Làm cá nhân vào Vở bài tập Toán.  - HS gặp khó khăn khi làm bài, GV gợi ý cho HS mối liên hệ giữa "nhiều hơn" với "lớn hơn"giữa "ít hơn" với "bé hơn" để đưa về bài toán so sánh 2 số.  - HS trả lời miệng và yêu cầu giải thích cụ thể vì sao chọn được cụm từ " nhiều hơn" hay cụm từ" ít hơn"phù hợp thay cho dấu ?.  - HS về nhà tìm hiểu xem trong gia đình ai là người nhiều tuổi nhất, ai là người ít tuổi nhất. |

**TẬP VIẾT**: **(sau bài 130, 131)**

**oăng, oăc, oanh, oach, con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng các vần **oăng, oăc, oanh, oach**; từ ngữ **con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch** – kiểu chữ viết thường, cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**II. CHUẨN BỊ**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ học cỡ vừa, cỡ nhỏ.

- Vở luyện viết 2, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài**   - GV nêu mục đích yêu cầu của bài học  **2. Luyện tập**  ***2.1. Viết chữ cỡ vừa***  - Hướng dẫn HS viết vào vở luyện viết, có thể chia thành mỗi chặng 1 cặp vần, từ ngữ.  ***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học  - Nhắc HS tiếp tục luyện viết | Cả lớp đọc các bài vần và từ ngữ (cỡ vừa): *oăng, oăc, oanh, oach, con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch.*  - HS quan sát GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả). GV có thể chia làm 2 chặng, mỗi chặng hướng dẫn học sinh viết 1 cặp vần, từ ngữ.  + *oăng*: Viết o liền mạch với ă, n, g (từ điểm kết thúc o, chỉnh hướng bút xuống thấp, rê bút sang viết a, từ a nối sang n, lia bút viết g, ghi dấu mũ trên a để hoàn thành vần oăng.  + *con hoẵng*: Viết chữ con, chú ý lia bút từ c sang o, chuyển hướng và rê bút viết n. Viết chữ hoẵng bắt đầu từ h, lia bút viết sang o để viết vần oăng, đặt dấu ngã trên ăn thành chữ hoẵng. Giữa hai chữ cần để khoảng cách như qui ước.  + *oăc*: Viết o – ă như trên từ ă rê bút viết tiếp c thành oăc (đánh dấu mũ trên a).  + *ngoắc tay*: Viết xong ng, lia bút viết tiếp sang vần oăc, thêm dấu sắc trên ă thành chữ ngoắc. Viết chữ tay cần lia bút viết từ t sang a rồi nối nét sang y (tay).  + *oanh:* Viết liền các con chữ (viết oa, nối nét sang n đến h để thành vân oanh).  + *khoanh bánh*: Viết xong kh, rê bút sang viết tiếp vần oanh.  + *oach*: Viết liền mạch các con chữ (viết o – a như ở vần oanh, lia bút viết sang c rồi nối nét viết tiếp h, tạo thành vần oach.  + *thu hoạch*: Viết xong th thì nối nét viết tiếp u (thu). Viết chữ hoạch chú ý rê bút từ h sang o để viết vần oach, thêm dấu nặng dưới a để thành chữ hoạch.  Cả lớp đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): *con hoẵng, ngoắc tay, khoanh bánh, thu hoạch.*  - HS quan sát GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang một chữ o.  - HS viết tiếp vào vở luyện viết; Hoàn thành phần luyện tập thêm. |

**Ôn học vần: Bài 125: oanh/oach**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần oanh, oach; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần oanh, oach.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần oanh, oach) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “*Bác nông dân và con gấu (1*)”.

- Viết đúng các vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Bác nông dân và con gấu”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần oanh, oach, các tiếng khoanh (bánh), (thu) hoạch (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về bác nông dân, con gấu. Bài tập đọc“*Bác nông dân và con gấu”(1*) là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái(PC1): Yêu quý bác nông dân siêng năng.

- Chăm chỉ(PC2): Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

Máy tính, máy chiếu để chiếu lên bảng nội dung bài học, bài tập đọc.

*VBT Tiếng Việt 1, tập hai*. Bộ thực hành.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** ( 2’)  **2 . Chia sẻ và khám phá**  a. Kiểm tra bài cũ  - GV nhận xét.  b. GV cho học sinh ôn lại vần **oanh,** **oach** các từ  **khoanh bánh, thu hoạch.**  c. Dạy đọc âm vần **oanh,** **oach.**  d. Dạy tìm tiếng có vần **oanh,** **oach.**  Gv đọc các tiếng mở rộng.  **3. Luyện nghe câu có tiếng chứa oanh,** **oach.**  GV đọc các câu để học sinh nghe và tìm tiếng chứa **oanh,** **oach.**  **4. Luyện tập viết lại bảng con**  **5. Củng cố - dặn dò** | - Hát  - 2 hs đọc bài **oanh/oach** đã học.  Cả lớp viết bảng con.  - Lắng nghe  - HS nhắc lại đề bài  Cả lớp chú ý lắng nghe  HS chỉ từng chữ và đọc (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  HS đọc vần **oanh,** **oach.**  - HS tìm tiếng có vần **oanh,** **oach.**   |  |  | | --- | --- | | loạch xoạch | xoành xoạch | | doanh trại | thu hoạch | | mới toanh | hoạch định | | loanh quanh | oách |   HS luyện đọc theo.  HS nói tiếng nào có **oanh,** **oach.**  HS đọc theo GV  Mẹ mua cho em chiếc áo mới toanh.  Bà con nông dân thu hoạch.  Tôi cứ nghe đâu đó tiếng đi loạch xoạch.  Trông bạn ấy lên nhận thưởng thật là oách.  HS nêu câu nào có tiếng chứa vần **oanh,** **oach.**  HS chú ý GV hướng dẫn viết các từ **oanh. oach, khoanh bánh, thu hoạch.**  Học sinh viết bảng con.  Viết vào vở.  HS đọc lại bài ở nhà.  Xem trước bài sau. |

*Thứ tư ngày 10 tháng 3 năm 2021*

**HỌC VẦN** **BÀI 132: uênh, uêch**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần uênh, uêch; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uênh, uêch.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần uênh, uêch) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc Bác nông dân và con gấu (2).

- Viết đúng các vần uênh, uêch, các tiếng huênh (hoang), nguệch (ngoạc) cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần uênh, uêch

huênh (hoang), nguệch (ngoạc) với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “Bác nông dân và con gấu”.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần uênh, uêchhuênh (hoang), nguệch (ngoạc) (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

- Nhận biết được văn bản nói về bác nông dân, con gấu. Bài tập đọc“*Bác nông dân và con gấu”(2*) là bài văn xuôi.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái(PC1): Yêu quý bác nông dân siêng năng, thông minh.

- Chăm chỉ(PC2): Tích cực tham gia môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài**   **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần uênh***  - GV giới thiệu vần oăng: GV viết **u, ê, nh**; đọc: **u – ê – chờ - nh**  ***2.2. Dạy vần uêch (thực hiện như vần uênh)***  **3. Luyện tập**  ***3.1. Mở rộng vốn từ (BT2: Tiếng nào có vần uênh, tiếng nào có vần uêch?)***  - GV đưa lên bảng nội dung BT 1 nêu yêu cầu.  ***3.2. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Bác nông dân và con gấu (2). Truyện kể về một bác nông dân đang gom củ cải bỏ vào sọt. Con gấu đứng gần đó, một tay cầm những lá cải, một tay đang xoa lưỡi.  b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *huênh hoang có nghĩa là thái độ khoe khoang, nói phóng lên không đúng sự thật.*  c) Luyện đọc từ ngữ:  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc đoạn bài  g) Tìm hiểu bài đọc  **4. Củng cố, dặn dò**  - Nhận xét tiết học | - Viết lên bảng lớp tên bài **uênh, uêch**; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học vần **uênh, uêch**  - Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài.  Phân tích, đánh vần, đọc trơn vần uênh.  u-ê-nh uênh/uênh  Quan sát rút từ mới: huênh hoang  Phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng huênh.  h-uênh-huênh/huênh  So sánh vần uênh và uêch khác nhau ở âm cuối ch.  Củng cố hai vần mới: uênh/uêch.  Hai tiếng mới: huênh, nguệch.  Cả lớp đọc trơn, đánh vần từ khóa; *uênh, uêch, nói huênh hoang/ vẽ nguệch ngoạc.*  HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: *xuềnh xoàng, bộc tuệch, …*  HS nói kết quả, giúp HS đánh dấu; Tiếng có vần uênh (xuềnh, chuếch). Tiếng có vần uêch (tuệch, tuếch, huếch, khuếch).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiếng** | **Có uênh** | **Có uêch** | | Xuềnh (xoàng) | x |  | | (bộc) tuệch |  | x | | (rỗng) tuếch |  | x | | M: (trống) huếch |  | x | | Chuếch (choáng) | x |  | | Khuếch (khoác) |  | x |   Cả lớp phân tích: Tiếng xuềnh có vần uênh. Tiếng tuệch có vần uêch, …  a) Đọc các vần, tiếng vừa học: uênh, uêch, huênh hoang, nguệch ngoạc.  b) Viết vần uênh, uêch  - Một HS đọc vần uênh nói cách viết  - HS quan sát GV hướng dẫn viết vần uênh, cách nối nét giữa u sang ê (chỉnh hướng bút ở điểm cuối chữ u xuống hơi thấp để nối sang ê), viết liền nét từ ê sang nh. Làm tương tự với vần uêch (chỉ khác oăng ở âm cuối ch).  - HS viết uênh, uêch (2 lần)  c) Viết tiếng huênh hoang, nguệch ngoạc  - HS quan sát GV vừa viết mẫu tiếng huênh, vừa hướng dẫn cách viết, cách nối nét giữa h sang vần huênh,/ Làm tương tự với chữ nguệch.  - HS viết tiếng huênh hoang, nguệch ngoạc (2 lần)  Học sinh đọc***: thích lắm, miệng rộng huếch, gật gù, huênh hoang, biết tay, trắng nõn, đếm, đắng ngắt.***  Bài đọc có 8 câu (chỉ cách nhận biết câu)  Đọc nối tiếp từng câu (đọc 2 câu ngắn)  Chia làm 2 đoạn – Mỗi lần xuống dòng là một đoạn.  Đọc nhóm đôi mỗi HS 1 đoạn.  Cuối cùng, cả lớp cùng đồng thanh.  HS nêu YC.  Cả lớp đọc ý a, b.  HS làm bài trong VBT, báo cáo kết quả. Đáp án ý b đúng.  - Hỏi – đáp:  + *Vì sao gấu tức mà không làm gì được?*  - Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe  - Chuẩn bị đọc trước bài mới uynh, uych. |

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**MẸ CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Bày tỏ cảm xúc với mẹ.

- Nói được lời yêu thương và thực hành làm một món quà để tặng mẹ.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống: Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích khi nói về chủn đề “Mẹ của em”.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động: Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết khi viết, vẽ, làm quà về chủ đề “Mẹ của em”.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm khi tham gia các phong trào tham gia phong trào nói về chủ đề “Mẹ của em”.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái( PC1): Yêu quý mẹ, bà, cô giáo và phụ nữ Việt Nam.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tham gia cùng bạn chơi tích cực tham gia hoạt động nho,s về chủ đề đang học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Nhạc và lời một bài hát về mẹ (Ví dụ: Bàn tay mẹ - Sáng tác: Bùi Đình Thảo).

- 6 đến 8 giỏ nhựa nhỏ (mỗi nhóm có một giỏ nhựa).

- Một đoạn dây chun hoặc dây cước nhỏ và hạt vòng.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** | |  |
| - Ổn định: | | - Hát |
| - Giới thiệu bài | |  |
| Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ cùng chia sẻ về mẹ của mình. | | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (35 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Bày tỏ cảm xúc với mẹ.  - Nói được lời yêu thương và thực hành làm một món quà để tặng mẹ. | | |
| **Hoạt động 1. Cùng nhau hát** | | |
| **Mục tiêu:** | | |
| - Hiểu được công ơn chăm sóc của mẹ đối với con cái, qua đó yêu thương mẹ hơn | | |
| **\* Cách tiến hành:**  - GV cho HS đứng lên hát bài *Bàn tay mẹ* (Sáng tác: Bùi Đình Thảo).  - GV hỏi:  + Bàn tay mẹ đã làm những gì để chăm sóc, yêu thương con?  + Em đã làm gì để thể hiện tình yêu với mẹ? | - HS đứng dậy (có thể đứng thành hàng dọc giữa các lối đi), GV bật nhạc (không có lời), HS hát theo lời bài hát Bàn tay mẹ (Sáng tác: Bùi Đình Thảo).  - HS trả lời câu hỏi:  + HS trả lời.  + HS nêu các việc mình đã làm để thể hiện tình yêu với mẹ | |
| \*GV kết luận.  - Mẹ là người đã sinh ra và chăm sóc em hằng ngày, nuôi dưỡng em khôn lớn. Các em hãy thể hiện sự yêu thương dành cho mẹ bằng những hành động thể hiện sự quan tâm, chăm sóc phù hợp với khả năng của mình.. | - Theo dõi, lắng nghe | |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | | |
| ***Hoạt động 2.* Quan sát và thực hành làm chiếc vòng yêu thương tặng mẹ.** | | |
| ***\* Mục tiêu:***  - HS nói được lời yêu thương và thực hành làm một chiếc vòng để tặng mẹ. | | |
|  | ***\* Cách tiến hành :***  *Bước 1.* Hướng dẫn chung cả lớp:  - GV nêu yêu cầu: Mỗi HS sẽ làm một chiếc vòng yêu thương để tặng cho mẹ.  + GV chiếu lên bảng video hoặc tranh ảnh các bước xâu và làm thành chiếc vòng:  + Buộc một nút thắt ở một đầu sợi dây.  + Lần lượt chọn các hạt vòng theo màu sắc mình thích và xuyên vào sợi dây.  +Khi đã xuyên đủ số hạt để ướm vừa cổ tay mẹ (khoảng 16cm) thì cầm hai đầu sợi dây buộc nút lại với nhau.  + Dùng kéo cắt đi phần dây thừa ra (nếu có).  - GV thực hành xuyên vòng và tạo thành một chiếc vòng hoàn chỉnh theo các bước cho HS quan sát.  *Bước 2.* Thực hành làm vòng theo nhóm:  - GV cho HS chia nhóm.  - Từng HS thực hành làm vòng và hướng dẫn các bạn trong nhóm.  - Cho các nhóm chọn chiếc vòng đẹp nhất.  *Bước 3.* Trưng bày sản phẩm:  - Cho các nhóm lên trưng bày sản phẩm.  HS chia sẻ theo gơi ý:  + Tại sao bạn lại chọn các hạt màu sắc như thế này?  +Khi làm vòng, bạn thấy khó nhất là bước nào?  + Khi tặng chiếc vòng này cho mẹ, bạn sẽ nói với mẹ điều gì?  - GV đặt các câu hỏi mở rộng:  + Em có thuộc bài hát nào về mẹ không ?  + Em đã bao giờ tặng quà cho mẹ chưa? Khi mẹ nhận được quà của em thì cảm xúc của mẹ như thế nào?  - Các nhóm quan sát, góp ý cho nhau về cách chọn màu sắc cho vòng  - Mỗi nhóm bình chọn ra những chiếc vòng đẹp nhất.  - Các nhóm HS treo các sản phẩm của nhóm mình vào các móc treo quanh lớp học.  - HS đi quan sát sản phẩm của các bạn và chọn ra những chiếc vòng đẹp nhất.  - Một số bạn chia sẻ trước lớp về chiếc vòng yêu thương của mình. | |
| \* Kết luận:  - Bằng sự khéo léo của mình, các em có thể tự làm ra những món quà để tặng mẹ. Đó có thể là những bức tranh tự vẽ, những chiếc vòng tự làm. Hãy dành những món quà đó dành tặng mẹ và nói với mẹ những lời yêu thương nhất để thể hiện tình cảm của các em. |  | |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. | - Về nhà tặng chiếc vong mới làm cho mẹ và nói với mẹ những lời yêu thương nhất. | |

*Thứ năm ngày 11 tháng 3 năm 2021*

**HỌC VẦN: Bài 133: uynh, uych**

**I. MUC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần uynh, uych; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uynh, uych.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần uynh, uych) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Hà mã bay”.

- Viết đúng các vần uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần đọc uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “*Hà mã bay”*.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch (trên bảng con). Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe ( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

Biết cố gắng để đạt được nguyện vọng của mình là điều tốt, thật đáng tuyên dương.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái:( PC1): Yêu quý chú hà mã đã có cố gắng thực hiện giấc mơ.

- Chăm chỉ( PC2): Hứng thú và thích thú khi tham gia học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  Viết lên bảng lớp tên bài uynh, uych; Giới thiệu: Hôm nay, các em sẽ học vần uynh, uych.  **2. Chia sẻ, khám phá** (BT1: Làm quen)  ***2.1. Dạy vần uynh***  - GV giới thiệu vần oăng: GV viết **u, y, nh**; đọc: **u – y – nhờ - uynh**  ***2.2. Dạy vần uych (thực hiện như vần uynh)***    **3. Luyện tập**  ***3.1. Mở rộng vốn từ (BT2: Tiếng nào có vần uynh, tiếng nào có vần uych?)***  ***3.2. Tập viết (Bảng con – BT 4)***  ***3.3. Tập đọc***  a) GV chỉ hình, giới thiệu truyện Hà mã bay. Hà mã là con vật to lớn, rất nặng cân, đầu to, mõm rộng, ăn cỏ, sống ở sông, đầm. Thế mà chú hà mã nhỏ trong câu chuyện này lại mơ ước bay lên bầu trời. Đây là hình ảnh hà mã đang tập nhảy dù, thực hiện ước mơ.  b) GV đọc mẫu.  - GV đọc một số câu, kết hợp mô tả, giải nghĩa từ: Hà mã chọn một bãi rộng, khuỳnh chân lấy đà (*khuỳnh chân; vòng rộng chân ra và gập cong lại*  - *lấy đà: tạo sức để chạy hoặc nhảy vọt lên*  *- luýnh quýnh; hành động vụng về, lúng túng do mất bình tĩnh*  c) Luyện đọc từ ngữ  d) Luyện đọc câu  e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn  g) Tìm hiểu bài đọc  **4. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học | Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài  - Phân tích, đánh vần, đọc trơn vần uynh:  **u – y – nhờ - uynh/uynh.**  Quan sát tranh rút từ: **họp phụ huynh**  **-** Phân tích, đánh vần, đọc trơn:  **hờ - uynh – huynh/ huynh.**  So sánh vần uych và uynh khác nhau ở âm cuối ch.  Củng cố:  Hai vần mới học: uynh/uych  Hai tiếng mới học: huynh, huỳnh huỵch  Cả lớp đọc trơn, đánh vần từ khóa; *uynh, uych, họp phụ huynh, chạy huỳnh huỵch.*  HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn: *ngã huỵch, đèn huỳnh quang, …*  HS làm bài tập trong VBT tìm tiếng có vần uynh, uych.  Cả lớp: *Tiếng huỵch có vần uych. Tiếng huỳnh có vần uynh, …*  a) Đọc các vần, tiếng vừa học: uynh, uych, huỳnh huỵch.  *b) Viết vần uynh, uych*  - Một HS đọc vần uynh nói cách viết  - HS quan sát GV hướng dẫn viết vần uynh, viết liền nét các chữ không nhấc bút. Làm tương tự với vần uych. Chú ý viết u, y lia bút viết tiếp ch; viết y – c không quá gần hoặc quá xa.  - HS viết uynh, uych (2 lần)  c) Viết tiếng huỳnh huỵch  - HS quan sát GV vừa viết mẫu tiếng huỳnh, vừa hướng dẫn qui trình viết, dấu huyền đặt trên y./ Làm tương tự với huỵch. Chú ý lia bút kết thúc y để viết ch; dấu nặng đặt dưới y.  - HS viết tiếng huỳnh huỵch (2 lần)  1 HS thực hiện động tác khuỳnh chân  HS đọc: ***bãi rộng, khuỳnh chân, luýnh quýnh, huỳnh huỵch, nhảy vọt, rơi huỵch, nhảy dù, thật tuyệt.***  Bài đọc có 10 câu (chỉ cách nhận biết câu)  Đọc nối tiếp từng câu.  Mỗi lần xuống dòng là một đoạn); thi đọc cả bài.  1 HS đọc 2 câu hỏi. Cả lớp đọc lại.  + Theo em, con người bay lên bầu trời bằng cách nào?  - HS làm việc cặp, trao đổi làm VBT  - 2 HS hỏi đáp:  + Hà mã bố giúp con bay lên bầu trời bằng cách nào?  + Theo em, con người bay lên bầu trời băng cách nào?  - Cho HS hỏi, cả lớp đáp.  Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 70)    Về đọc lại bài đọc cho người thân nghe  Chuẩn bị xem trước bài mới kể chuyện: Chim họa mi. |

**TOÁN: Bài 73: Luyện tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Giúp học sinh đọc, viết, so sánh thành thạo các số trong phạm vi 100 và vận dụng được trong cuộc sống.

- Biết xếp được các số theo thứ tự trong phạm vi 100.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác: Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1): Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận khi học về số có hai chữ số.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học( NL2): Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề về số có hai chữ số.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL3):Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác) về các bài tập các số có hai chữ số.

**3. Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV: SGK Toán 1, vở bài tập Toán 1, bảng phụ, phiếu học tập.

HS: SGK Toán 1, vở bài tập Toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ1: Khởi động**  **-** GV cho HS tìm hiểu và so sánh:  Số bạn nam và số bạn nữ trong lớp  Số HS ở Tổ 1 và số HS ở Tổ 2…  GV nhận xét, tuyên dương.  **2. HĐ2: Thực hành – luyện tập**  **Bài 1. Tìm số hoặc chữ thích hợp thay cho dấu ?:**  GV hướng dẫn bài mẫu cho học sinh: Gv ghi số 32 lên bảng và gọi HS trả lời:  Số trên gồm mấy chục và mấy đơn vị?    **Bài 2.**  <, >, =        **Bài 3.**  **Bài 4. Sắp xếp các số 62, 48, 65 theo thứ tự:**      GV theo dõi HS làm, hướng dẫn cho 1 số HS găp khó khăn, kiểm tra vở 1 số HS.  **3. HĐ3: Vận dụng**  **Bài 5:**  GV hỏi:  Bạn Hồng đếm được bao nhiêu quả bưởi? Quả cam? Quả mít?  Vậy để biết được loại quả nào có số lượng nhiều nhất hay ít nhất thì ta làm thế nào?  **4. HĐ 4: Củng cố**  GV đưa ra các số và yêu cầu HS tìm dấu để đính vào chỗ trống sao cho thích hợp.  GV nhận xét tiết học | HS tìm hiểu và so sánh số  HS đọc yêu cầu bài.  HS chú ý và trả lời câu hỏi  Số trên gồm 3 chục và 2 đơn vị.  2 HS lên bảng làm, lớp theo dõi bạn.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Chục | Đơn vị | Đọc số | Viết số | | 3 | 2 | ba mươi hai | 32 | | 8 | 6 | tám mươi sáu | 86 | | 2 | 0 | hai mươi | 20 | | 5 | 5 | năm mươi lăm | 55 | | 9 | 8 | chín mươi tám | 98 | | 4 | 3 | bốn mươi ba | 43 |   3 HS lần lượt lên bảng làm 6 dòng còn lại, dưới lớp làm vào vở bài tập Toán.  HS trình bày bài làm của mình- lớp nhận xét- GV nhận xét , chốt lại.  HS đọc yêu cầu bài.  HS nhắc lại:  Khi so sánh 2 số với nhau thì ta  so sánh chữ sốnào trước?  Nếu 2 số chục bằng nhau  thì ta làm thế nào?  So sánh chữ số ở hàng chục trước.  Thì ta so sánh đến chữ số ở hàng đơn vị, chữ số nào lớn hơn thì số đó lớn hơn; chữ số nào bé hơn thì số đó bé hơn.  HS thảo luận và làm bài theo nhóm 4 vào phiếu bài tập.  Đại diện 1 số nhóm trình bày- nhóm khác nhận xét- GV nhận xét, chốt lại.  ?  53 46 89 93  ?  ?  ?  28 72 85 85  ?  ?  44 18 6 61  1HS đọc yêu cầu bài  HS làm bài cá nhân vào vở bài tập Toán.  1 số HS trình bày bài làm trong vở của mình – HS khác nhận xét- GV nhận xét.  a. Chọn số lớn nhất trong các số: 49, 71, 67.  b. Chọn số bé nhất trong các số: 30, 52, 29.  a. Từ bé đến lớn.  b. Từ lớn đến bé.  HS làm bài vào vỏe BT.  HS đọc yêu cầu bài- lớp lắng nghe  HSTL: 19 quả bưởi, 21 quả cam, 16 quả mít.  Ta so sánh các số mà đề bài đã cho để tìm ra được số nào lớn nhất, số nào bé nhất.  HS thảo luận theo nhóm 2 để làm bài tập 5  HS trình bày, nhận xét  HS chơi trò chơi “ *Ai nhanh ai đúng”*  2 đội lên bảng tham gia chơi, lớp cổ vũ. Nhận xét và tuyên dương 2 đội chơi. |

**Buổi chiều**

**TẬP VIẾT (sau bài 132, 133)**

**uênh, uêch, uynh, uych, huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Viết đúng các vần **uênh, uêch, uynh, uych**; từ ngữ **huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch** – kiểu chữ viết thường, cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Chữ viết rõ ràng, đều nét.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

**-** Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc vần, tiếng, từ **uênh, uêch, uynh, uych**; từ ngữ **huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch.**

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường cỡ nhỡ và nhỏ. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần **uênh, uêch, uynh, uych**; từ ngữ **huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch** (trên bảng con)**.** Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Tạo tính tự bảo vệ sách vở sạch sẽ, rèn luyện chữ viết.

- Chăm chỉ: Yêu thích và ham học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

- Bảng phụ viết vần, từ ngữ học cỡ vừa, cỡ nhỏ.

- Vở luyện viết 2, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  - GV nêu mục đích yêu cầu của bài học  **2. Luyện tập**  ***2.1. Viết chữ cỡ vừa***  ***2.2. Viết chữ cỡ nhỏ***  **3. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học.  - Nhắc HS tiếp tục luyện viết. | - Cả lớp đọc các bài vần và từ ngữ (cỡ vừa): *uênh, uêch, uynh, uych, huênh hoang, nguệch ngoạc, huỳnh huỵch.*  - HS quan sát GV hướng dẫn HS viết (viết mẫu và mô tả). GV có thể chia làm 2 chặng, mỗi chặng hướng dẫn học sinh viết 1 cặp vần, từ ngữ.  + *uênh*: Điều chỉnh hướng bút khi viết xong u viết sang e; viết liền nét các chữ e, n, h (không nhất bút, dấu mũ đặt trên e để thành ê).  + *huênh hoang*: Viết h rồi rê bút sang viết tiếp vần uênh thành chữ huênh. Viết xong h cần lia bút viết tiếp vần oang thành chữ hoang. Khoảng cách giữa hai chữ huênh – hoang bằng 1 con chữ o.  + *uêch*: Viết xong u thì chuyển hướng viết tiếp ê, viết xong ê cần lia bút viết c – h (không nhấc bút từ c sang h).  + *nguệch ngoạc*: Viết liền mạch chữ ng (từ n lia bút viết tiếp g) rồi viết tiếp vần uêch, thêm dấu nặng dưới ê thành nguệch. Viết ng xong, lia bút viết vần oac (giữa o sang a, a sang c viết liền, không để khoảng cách quá rộng, quá hẹp), thêm dấu nặng dưới a thành ngoạc; để khoảng cách hợp lí giữa nguệch và ngoạc.  + *uynh*: Viết liền nét giữa u sang y, giữ y sang n – h.  + *uych*: Viết liền nét giữa u sang y, lia bút viết tiếp ch.  + *huỳnh huỵch*: Viết h ở cả hai chữ liền nét với uynh, uych; ghi dấu huyền lên trên y thành chữ huỳnh, ghi dấu nặng dưới y thành chữ huỵch.  - Hướng dẫn HS viết vào vở luyện viết, có thể chia thành mỗi chặng 1 cặp vần, từ ngữ.  Cả lớp đọc từ ngữ (cỡ nhỏ): *nguệch ngoạc, phụ huynh.*  - HS quan sát GV hướng dẫn HS viết các chữ cỡ nhỏ. Chú ý độ cao các con chữ g, p, y, h; khoảng cách giữa các chữ ghi tiếng bằng chiều ngang một chữ o.  - HS viết tiếp vào vở luyện viết; Hoàn thành phần luyện tập thêm. |

*Thứ sáu ngày 12 tháng 3 năm 2021*

**KỂ CHUYỆN BÀI 134: CHIM HỌA MI**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe, hiểu câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

- Nhìn tranh, kể được từng đoạn của câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa của câu chuyện: Ca ngợi chim họa mi thật có tiếng hót ki diệu. Họa mi thật quy giá hơn nhiều so với họa mi máy vì nó sống tình cảm, gắn bó với con người.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

+ Đọc ( NN1): Nhận biết được bìa sách và tên sách. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Kể chuyện “Chim họa mi”. Nhận biết được hình dáng, hành động của nhân vật thể hiện qua một số từ ngữ trong câu chuyện dựa vào gợi ý của giáo viên.

+ Viết: ( NN2):

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học: Biết cảm nhận được cái đẹp từ thiên nhiên, tạo nên niềm vui trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước( PC1): yêu cảnh vật thiên nhiên, các loài vật mang lại những điều thú vị.

- Chăm chỉ( PC2): Yêu thích và có hứng thú với môn học.

**II. CHUẨN BỊ**

- Tranh minh họa, đoạn video truyện kể trong SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện (gợi ý)**  1.1. Quan sát và phỏng đoán  - GV chỉ các tranh minh họa chuyện chim họa mi; Các em xem tranh để biết câu chuyện gồm có những nhân vật nào?  1.2. Giới thiệu chuyện  **2. Khám phá và luyện tập**  2.1. Nghe kể chuyện  - GV kể diễn cảm. Kể gây ấn tượng với các từ ngữ, vẻ đẹp của vườn thượng uyển, tiếng hót kì diệu của họa mi, sự khao khát của nhà vua khi lâm bệnh muốn nghe tiếng hót của họa mi, phép thần của tiếng hót.  - GV kể 3 lần:  + Lần 1: Kể tự nhiên, không chỉ tranh, nghe toàn bộ câu chuyện.  + Lần 2: Chỉ từng tranh vừa kể thật chậm; HS nghe, quan sát tranh.  + Lần 3: Kể như lần 2, khắc sâu nội dung chuyện.  2.2. Trả lời câu hỏi theo tranh  - Trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh  – GV hỏi một vài HS, mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh:  + Tranh 1: Nhà vua sống ở đâu?  + Nơi đó có khu vườn thế nào? Điều kì diệu nhất của khu vườn là gì?  + Tranh 2: Nhà vua làm gì để được nghe họa mi hót?  + Tiếng hót của họa mi làm nhà vua cảm thấy thế nào?  + Tranh 3: Ít lâu sau, nhà vua được tặng con chim máy có đặc điểm gì?  + Vì sao chim họa mi thật buồn bã bay đi?  + Tranh 4: Lúc bệnh nặng nhà vua khao khát điều gì?  + Vì sao chim máy không hót được?  + Tranh 5: Họa mi thật làm gì?  + Tiếng hót của nó giúp nhà vua thế nào?  + Tranh 6: Nhà vua muốn giữ họa mi ở lại nhưng nó xin vua điều gì? Nó hứa gì?  b) Trả lời câu hỏi dưới 2 tranh liền nhau  - GV hỏi HS, mỗi HS trả lời câu hỏi ở hai tranh liền nhau.  c) GV hỏi một vài HS, mỗi HS trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh.  2.3. Kể chuyện theo tranh  2.4. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện  - Em nhận xét gì về chim họa mi thật?  - Câu chuyện muốn nói điều gì?  => Câu chuyện ca ngợi chim họa mi có tiếng hót kì diệu đem lại niềm vui, hạnh phúc cho con người. Họa mi thật quí giá hơn nhiều so với họa mi máy vì nó sống tình cảm, gắn bó với con người. Họa mi máy chỉ là một cái máy biết hót, không tình cảm, cũng là lời khuyên: Không nên có bạn mới quên bạn cũ.  **3. Củng cố, dặn dò**  Nhận xét tiết học, khen HS kể chuyện hay. | Quan sát tranh  Truyện có chim họa mi, nhà vua, những người hầu của vua, họa mi máy.  - Khu vườn nhà vua có một chú chim họa mi. Vua cầm trên tay chim họa mi máy, họa mi thật bay qua cửa sổ.  HS lắng nghe GV giới thiệu: Câu chuyện Chim họa mi kể về một con chim họa mi có tiếng hót mê hồn, được nhà vua yêu quý. Nhưng nó phải bỏ về rừng khi nhà vua được tặng một con họa mi máy có tiếng hót liên tục 30 lần không mệt. Câu chuyện kết thúc thế nào? Họa mi thật hay hoại mi máy đáng quý? Các em hãy lắng nghe.  - Lắng nghe GV kể  - Kết hợp tranh nghe GV kể mẫu  - Nắm ý câu chuyện theo lời kể  - Sống trong cung điện tuyệt đẹp  - Nơi đó có khu vườn đầy hoa thơm cỏ lạ. Điều kì diệu là trong vườn có con chim họa mi có tiếng hót mê hồn.  - Vua đòi người hầu đem họa mi đến hót cho vua nghe  - Làm nhà vua cảm động rơi nước mắt. Nhà vua giữ chim lại trong cung điện  - Chim máy có đặc điểm hót 30 lần không mệt  - Vì cả triều đình rất thích con chim giả  - Khao khác được nghe tiếng chim hót của họa mi  - Vì chim máy dùng lâu đã hỏng  - Từ rừng xanh bay về đậu trên cành cây bên cửa sổ hót cho nhà vua nghe  - Như liều thuốc bổ, giúp nhà vua khỏi bệnh  - Xin được ở lại rừng. Hứa chiều chiều sẽ bay đến bên cửa sổ hót cho vua nghe.  HS khi nói cần nói to, rõ, nhìn vào người nghe, hướng dẫn HS nói tròn câu.  - HS trả lời  - HS trả lời  - Một vài HS dựa vào 1 tranh minh họa, kể chuyện.  - Một vài HS dựa vào 2 tranh minh họa, kể chuyện.  - Một vài HS kể chuyện theo bất kì tranh nào.  - Một vài HS dựa vào tranh minh họa, kể lại toàn bộ câu chuyện.  - Họa mi có tiếng hót kì diệu giúp nhà vua khỏi bệnh  - Họa mi là bạn thân thiết với nhà vua, …  - HS nêu ra bài học từ câu chuyện.  - Lắng nghe ý nghĩa câu chuyện  - Bình chọn HS hiểu ý nghĩa câu chuyện.  - Kể cho người thân nghe câu chuyện đã học.  - Chuẩn bị tiết KC Cô bé quàng khăn đỏ. |

**TIẾNG VIỆT BÀI 135: ÔN TẬP (1 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Cá to, cá nhỏ”.

- Điền chữ thích hợp (c hay k) vào chỗ trống để hoàn chỉnh câu rồi chép lại câu văn đúng chính tả, cỡ chữ nhỏ.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn.

b. Năng lực đặc thù:

+ Đọc ( NN1): Nhận biết được các thù của các con thú Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Kể chuyện ““Cá to, cá nhỏ”*”.*

+ Viết: ( NN2): Viết được câu văn theo cỡ chữ nhỏ.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe. Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

+ Nghe( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học: Yêu quý loài vật như những người bạn. Biết hợp tác cùng bạn bè khi tham gia các hoạt động, không che bai người khác, vì mỗi người có một điểm mạnh riêng.

**3. Phẩm chất:**

**-** Chăm chỉ: Hứng thú với môn học.

- Nhân ái: Xem thường kẻ yếu mà ăn hiếp là không tốt, sống phải bao bọc, đoàn kết với nhau.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Giới thiệu bài**  Nêu tựa bài, MĐYC của bài học  **2. Luyện tập**  ***2.1. BT 1 (Tập đọc)***  a) GV chỉ hình minh họa  b) GV đọc mẫu.  Vừa đọc vừa kết hợp mô tả, giải nghĩa từ: Lũ cá nhỏ luýnh quýnh (*hành động vụng về do quá sợ*). Cá to ngoác cái miệng rộng huếch (*ngoác: rộng quá cỡ, rộng huếch: trống rỗng, như rộng ngoác*).  c) Luyện đọc từ ngữ  d) Luyện đọc câu  - Trong bài có mấy câu?  e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu/ 6 câu)  g) Tìm hiểu bài đọc  **2.2. BT 2 (Điền chữ c hay k – Tập chép)**  GV chuẩn bị sẵn câu văn để trống chữ cần điền: *Con …á to ….iêu ngạo, huênh hoang, bị mắc lưới.*  GV sửa bài, nhận xét  **3. Củng cố, dặn dò** | Cả lớp đồng thanh nhắc lại tựa bài.  HS lắng nghe GV giới thiệu: Cá to, cá nhỏ: Cá to đuổi bắt lũ cá nhỏ. Nó huênh hoang cho là: kẻ yếu phải làm thức ăn cho kẻ mạnh. Nhưng khi một chiếc lưới được quăng xuống chụp lấy cả cá to lẫn cá nhỏ thì sự việc xảy ra thế nào, các em hãy nghe câu chuyện.  Cả lớp đọc trơn: **đuổi bắt, luýnh quýnh, xin tha mạng, ngoác miệng, rộng huếch, huênh hoang, xoạch, chụp lấy, lọt qua mắt lưới, thoát hết, mắc lại, ngoảnh đầu.**  10 câu.  Đọc (liền 5-6, và 9-10) cho HS đọc  Đọc nối tiếp từng câu (đọc 2 câu ngắn)    HS thi đọc toàn bài  Cả lớp đọc: a) Khi lưới được kéo lên  b) Lũ cá nhỏ lọt qua mắt lưới, cá to bị mắc lại.  Cả lớp làm bài.  HS báo cáo kết quả.  Ý b đúng, ý a sai  HS đọc yêu cầu.  2-3 HS nhắc lại quy tắc chính tảkhi viết **c** và **k**  HS làm bài vào vở Luyện viết.  HS đọc lại câu văn hoàn chỉnh, chú ý các từ: *huênh hoang, kêu ngạo, lưới.*  Lớp chép lại câu văn vào vở luyện viết 1, tô chữ hoa C đầu câu.  Đổi vở, sửa lỗi  Chia sẻ bài học cho người thân.  Xem lại bài, luyện đọc bài vừa học - HS viết vào vở. |

**TOÁN Bài 74: HĐTN:Em đo độ dài**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh vận dụng được kiến thức, kĩ năng đo độ dài đã học để đo độ dài các đồ vật xung quanh, đo độ dài các đồ vật, đối tượng trong lớp học và khoảng cách giữa các vật ở ngoài sân trường.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học( NL1):

+ Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận về đo độ dài.

- Năng lực giao tiếp toán học( NL2):

Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác) về đo độ dài.

- Năng lực GQVĐ toán học( NL3): Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề về đo độ dài.

***-*** Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán ( NL4): Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...)

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ:

+ Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập.

- Trách nhiệm: Tự giác và chịu trách nhiệm những vấn đề mình quyết định.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

GV: SGK Toán 1, vở bài tập Toán 1, bảng phụ, phiếu thực hành đo độ dài ( mỗi nhóm 3 phiếu cho 3 nhiệm vụ ), thước có vạch chia xăng-ti-mét.

HS: SGK Toán 1, vở bài tập Toán 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***1.* HĐ1: Khởi động**  - GV nhận xét về các câu hỏi và câu trả lời của HS đưa ra, tuyên dương HS.  **2. HĐ2. Thực hành – luyện tập**  **a) Chủ đề 1: Thực hành đo độ dài các đồ vật thường dùng xung quanh em.**  - **Lựa chọn đồ vật cần đo:**  - **Lựa chọn đơn vị đo phù hợp:**    **- Tiến hành đo:**  **b) Chủ đề 2: Thực hành đo độ dài các đồ vật trong lớp học.**  - **Lựa chọn đồ vật cần đo; Lựa chọn đơn vị đo; Tiến hành đo**: tương tự như chủ đề 1.  **c) Chủ đề 3: Thực hành đo độ dài, khoảng cách giữa các vật ở ngoài sân trường.**  - **Lựa chọn đồ vật cần đo; Lựa chọn đơn vị đo; Tiến hành đo**: tương tự như chủ đề 1, 2.  **3. HĐ 3. Củng cố** | HS chơi trò chơi đố nhau: “ Đo theo đơn vị nào”  HS1 nêu tên một đồ vật hoặc khoảng cách giữa 2 đồ vật, sau đó gọi 1 bạn trả lời( HS2), HS2 sẽ cho biết đồ vật đó được đo bằng gì ( gang tay, bước chân, xăng-ti-mét…), nếu HS2 trả lời đúng thì được đố bạn tiếp theo.  HS nêu yêu cầu của chủ đề 1  HS kể tên một số đồ vật xung quanh em mà em biết.  HS lựa chọn 1 số đồ vật mà em đã kể để đo độ dài đồ vật đó.  HS nêu một số đơn vị đo thường dùng mà em biết.  Một số đơn vị đo thường dùng là: xăng-ti-mét, gang tay, bước chân, sải tay…  Đưa ra một số đồ vật và HS chọn đơn vị đo phù hợp với từng đồ vật.  HS nghe GV giải thích rõ từng đơn vị đo cho HS hiểu để khi đo lựa chọn đơn vị đo cho phù hợp.  HS nêu cách ước lượng độ dài của đồ vật trước khi dùng đơn vị đo để đo và ghi kết quả.  GV đưa ra 1 số đồ vật và yêu cầu HS ước lượng độ dài của đồ vật đó.  HS thảo luận nhóm 4 để điền vào “ Mẫu phiếu thực hành đo độ dài”  1 số nhóm trình bài bài làm của nhóm mình.  HS thảo luận theo nhóm 6 để điền vào” Mẫu phiếu thực hành đo độ dài”.  Mỗi nhóm phân công 2 bạn thực hiện; 1 bạn đo, 1 bạn nêu kết quả; các bạn còn lại ghi lại kết quả vào phiếu thảo luận; sau đó cả nhóm tập hợp lại kết quả.  Một số nhóm lên trình bày bài làm của nhóm mình; mỗi nhóm gồm 2 HS lên bảng; 1 HS đo và 1 HS nêu kết quả của đồ vật đo được.  Đại diện các nhóm nhận xét; GV nhận xét, tuyên dương.  HS thảo luận nhóm 6 để thực hiện chọn đơn vị đo,sau đó đo và ghi chép kết quả đo vào “ Mẫu phiếu thực hành đo độ dài “.  HS thảo luận nhóm 6 để làm vào phiếu  Từng nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác hỏi và nhận xét về : tính hợp lí của việc chọn đơn vị đo, việc ghi chép kết quả đo có chính xác không.  GV và HS nhận xét từng nhóm, tuyên dương các nhóm.  Kể tên một số đồ vật mà hôm nay em đã lựa chọn để đo?  Nêu độ dài, khoảng cách của 2 đồ vật em vừa đo ?  Nêu một số đơn vị đo mà em biết?  Nêu cách tiến hành đo đồ vật?  HS nghe GV nhận xét, kết luận lại:  + Kết quả đo độ dài của cùng một đối tượng, khoảng cách nào đó bằng gang tay, bước chân,…của các nhóm là khác nhau vì đơn vị đo phụ thuộc vào cơ thể từng bạn tham gia đo.  + Nhưng nếu đo độ dài bằng xăng-ti-mét thì số đo của các nhóm đều giống nhau, vì đây là độ dài quốc tế, ai đo cũng cho kết quả giống nhau. |

**Buổi chiều:**

**HỌC VẦN: Ôn bài 133: uynh, uych**

**I. MUC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết vần uynh, uych; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần uynh, uych.

- Ghép đúng từ ngữ (có vần uynh, uych) với hình tương ứng.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc “Hà mã bay”.

- Viết đúng các vần uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch cỡ vừa (trên bảng con).

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Dựa trên hiểu biết đã có, biết hình thành ý tưởng mới đối với bản thân và dự đoán được kết quả khi thực hiện.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Đọc ( NN1): Đọc đúng âm, vần, tiếng, từ, câu (có thể đọc chưa thật đúng một số tiếng có vần khó, ít dùng). Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có các vần đọc uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản liên quan đến các chi tiết được thể hiện tường minh. Trả lời được các câu hỏi đơn giản về nội dung cơ bản của văn bản dựa vào gợi ý, hỗ trợ bài Tập đọc “*Hà mã bay”*.

+ Viết: ( NN2): Viết đúng chữ viết thường. Đặt dấu thanh đúng vị trí. Viết đúng vần uynh, uych, các tiếng huỳnh huỵch (trên bảng con). Ngồi đúng tư thế viết, đọc, cầm phấn đúng cách.

+ Nói( NN3): Biết đưa tay xin phát biểu, chờ đến lượt được phát biểu. Biết trao đổi trong nhóm để chia sẻ những ý nghĩ và thông tin đơn giản. Đặt được câu hỏi đơn giản và trả lời đúng vào nội dung câu hỏi. Nói và đáp lại được lời chào hỏi, xin phép, cảm ơn, xin lỗi, phù hợp với đối tượng người nghe.

+ Nghe ( NN4): Có thói quen và thái độ chú ý nghe người khác nói (nhìn vào người nói, có tư thế nghe phù hợp). Đặt một vài câu hỏi để hỏi lại những điều chưa rõ. Nghe hiểu các thông báo, hướng dẫn, yêu cầu, nội quy trong lớp học.

- Năng lực văn học:

Biết cố gắng để đạt được nguyện vọng của mình là điều tốt, thật đáng tuyên dương.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái:( PC1): Yêu quý chú hà mã đã có cố gắng thực hiện giấc mơ.

- Chăm chỉ( PC2): Hứng thú và thích thú khi tham gia học tập.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

- Máy chiếu để chiếu hình minh họa từ khóa, từ trong bài tập/ hoặc tranh, ảnh, mẫu vật, vật thật.

**2. Học sinh**

- Bảng cài, bộ thẻ chữ, đủ cho mỗi học sinh làm bài tập.

- Bảng con, phấn (bút dạ).

- Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động** ( 2’)  **2 . Chia sẻ và khám phá**  a. Kiểm tra bài cũ  - GV nhận xét.  b. GV cho học sinh ôn lại vần **uynh/uych, phụ huynh, huỳnh huỵch.**  c. Dạy đọc vần **uynh/uych, phụ huynh, huỳnh huỵch.**  d. Dạy tìm tiếng có vần **uynh/uych.**  **3. Luyện nghe câu có tiếng chứa oang/oac.**  **4. Luyện tập viết lại bảng con**  **5. Củng cố - dặn dò** | - Hát  - 2 hs đọc bài **uynh/uych** đã học.  - Cả lớp viết bảng con.  - Lắng nghe  - HS nhắc lại đề bài  Cả lớp chú ý lắng nghe  HS chỉ từng chữ và đọc (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  HS đọc **uynh/uych, phụ huynh, huỳnh huỵch.**  - HS tìm tiếng có vần **uynh/uych.**  Khuỳnh tay, luýnh quýnh, xuỳnh xuỵch.  HS luyện đọc.  HS nói tiếng nào có **uynh/uych**.  HS đọc câu.  Khi viết chớ để khuỳnh tay.  Cậu ấy cứ luýnh quýnh, không nói nên lời.  Nững tiếng chân chạy huỳnh huỵch sau vườn nhà.  Tiếng máy chạy xuỳnh xuỵch.  HS nêu câu nào có tiếng chứa **uynh/uych.**  HS chú ý GV hướng dẫn viết các từ: **phụ huynh, huỳnh huỵch.**  Học sinh viết bảng con.  Viết vào vở câu: *Tiếng máy nổ xuỳnh xuỵch cả ngày đêm.*  HS đọc lại bài ở nhà.  Xem trước bài sau. |

**SINH HOẠT LỚP HÁT VỀ BÀ VÀ MẸ**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Sau hoạt động:

- Giúp HS thể hiện tình cảm và thái độ đối với bà, với mẹ và cô giáo bằng việc tham gia các tiết mục văn nghệ để chuẩn bị cho hội diễn chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8 – 3.

**2. Năng lực:**

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

- NL giao tiếp và hợp tác:

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- NL GQVĐ và sáng tạo:

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thích ứng với cuộc sống:

+ Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích của em với bạn.

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

+ Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết khi tham gia các hoạt động mình yêu thích.

- Năng lực định hướng nghề nghiệp:

+ Hình thành được trách nhiệm trong công việc và sự tuân thủ các quy định khi tham gia phong trào hát tặng bà, mẹ và cô giáo.

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái( PC1): Yêu quý mẹ, bà, cô giáo và phụ nữ Việt Nam- họ là những người hi sinh nhiều và vất vả lo cho cuộc sống gia đình cũng như xã hội.

- Chăm chỉ( PC3)**:** Tham gia cùng bạn khi chia sẻ cùng sở thích, sở trường...

- Trách nhiệm( PC4)**:** Có ý thức trách nhiệm về những việc mình đã nêu đã làm để thực hiện cho tốt. Biết kết hợp với các bạn trong nhóm hoàn thành tốt các yêu cầu của GV. Chấp hành tốt các quy định khi tham gia chia sẻ ý kiến cá nhân.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 25**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***2.2.Phương hướng tuần 26***  ***2.3. Hát về bà và mẹ***  - GV lựa chọn bài hát, các tiết mục văn nghệ chào mừng ngày 8 – 3; phân công, lựa chọn HS tham gia.  - Cho HS cùng luyện tập các tiết mục văn nghệ của lớp. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  Nhóm các bạn thi cắm hoa thể hiện tốt.  Cả lớp đã thể hiện được tình cảm của mình với mẹ.  Tham gia mtoots phong trào kỉ niệm Ngày QTPN 8.3  Một số bạn vẫn chưa mạnh dạn thể hiện tình cảm của mình.  Tuần này học các vần ít gặp nên một số em đọc chưa tốt.  HS Lắng nghe để thực hiện.  - Thực hiện dạy và học tuần 26, HS bám sát kế hoạch của lớp thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Không ngừng làm tốt công tác phòng chống Covid.  - Luyện đọc nhiều để bước sang học phần mới.  - Luyện nhiều về toán số có hai chữ số.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS nhận sự phân công.  - HS cùng luyện tập các tiết mục văn nghệ của lớp để tham gia hội diễn của trường. |